

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2018/HNGĐ-ST

Ngày 03-7-2018

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đăng Khoa

Ông Đỗ Xuân Quyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Vinh - Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 03 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1350/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đinh Viết H1; nơi cư trú: Số 51, đường Phạm VĐ, cụm 4, khu PH, phường AD, quận DK, thành phố Hải Phòng, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị H2; nơi cư trú: Hồng Kong, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn là Ông Đinh Viết H1 trình bày: Ông và bà Phạm Thị H2 lấy nhau từ năm 1980, trên cơ sở tự nguyện có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Do không giải quyết được nên bà H2 đã sang Hồng Kong sinh sống. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, mỗi người một nước không có khả năng đoàn tụ, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phạm Thị H2.

Về nuôi con: Ông và bà Phạm Thị H2 có 03 con chung là Đinh Viết Cường, sinh năm 1982, Đinh Văn Bắc sinh năm 1984 và Đinh Viết Trường Anh sinh năm 1994. Các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Ông và bà Phạm Thị H2 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn khởi kiện ly hôn và bản tự khai gửi về Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, bị đơn là à Phạm Thị H2 trình bày: Thống nhất với ông Đinh Viết H1 về quá trình kết hôn cũng như nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, về con chung. Nay xét tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không thể nên bà cũng đồng ý ly hôn với anh Đinh Viết H1 và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và chia tài sản chung.

Do bà Phạm Thị H2 đang ở nước ngoài và không yêu cầu hòa giải nên căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa, ông Đinh Viết H1 giữ nguyên quan điểm như trong đơn khởi kiện và các bản tự khai. Bà Phạm Thị H2 vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Phạm Thị H2 hiện đang cư trú ở nước ngoài, theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Phạm Thị H2 đang ở nước ngoài, tài liệu của bà gửi về đã được Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hồng Kong chứng thực chữ ký. Bà H2 đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt đồng thời ủy quyền cho người nhà nhận văn bản tố tụng của Tòa án cho bà. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Phạm Thị H2.

[3] Về quan hệ pháp luật: Ông Đinh Viết H1 khai hai bên chung sống với nhau từ năm 1980, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục nhưng không đăng ký kết hôn, hai ông bà có 03 con chung. Lời khai của bà H2 thống nhất với lời khai của ông H1 về các nội dung trên và thống nhất với các tài liệu mà ông H1 cung cấp như: Sổ hộ khẩu gia đình, Giấy khai sinh của 03 người con. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì việc ông H1 bà H2 chung sống từ năm 1980 và không Đăng ký kết hôn và có 03 con chung là sự thật khách quan không phải chứng minh và theo hướng dẫn tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội thì quan hệ vợ chồng giữa ông H1 bà H2 được Nhà nước công nhận.

[3] Về hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, đơn trình bày của đại diện gia đình có cơ sở xác định: Sau khi lấy nhau, cuộc sống vợ chồng của ông Đinh Viết H1 và bà Phạm Thị H2 hạnh phúc đến năm 2015 thì có mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Do không tự giải quyết được nên bà Phạm Thị H2 đã đi ra nước ngoài sinh sống. Từ năm 2015, vợ chồng không quan tâm, liên lạc với nhau. Thời điểm hiện nay bà Phạm Thị H2 đang ở nước ngoài nên không có khả năng đoàn tụ gia đình, hơn nữa cả hai bên cùng xác định tình cảm vợ

chồng không còn và cùng đề nghị ly hôn, như vậy việc ông Đinh Viết H1 xin ly hôn là hoàn toàn chính đáng. Xét, quan hệ hôn nhân ông Đinh Viết H1 và bà Phạm Thị H2 không còn yêu thương nhau, ai chỉ biết bốn phần của người đó, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị xin ly hôn của ông Đinh Viết H1.

[5] Về nuôi con: Lời khai của hai bên thống nhất cả 03 con đều đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về chia tài sản: Cả hai bên thống nhất tự giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Ông Đinh Viết H1 là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Ông Đinh Viết H1, bà Phạm Thị H2 được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ông Đinh Viết H1 được ly hôn với bà Phạm Thị H2.
2. Về nuôi con: Các con đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét.
3. Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về án phí: Ông Đinh Viết H1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0010729 ngày 13 tháng 6 năm 2018 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Ông Đinh Viết H1 đã nộp đủ.
5. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Ông Đinh Viết H1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Phạm Thị H2 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng;
- Đường sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thu Hương

